

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày 17 - 4 - 2018

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
góp vốn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Khương Văn Phong.

Ông: Ngô Trọng Búp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông: Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 94/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Đức C (đã chết).

Những người thừa kế (hàng thừa kế thứ nhất) gồm:

+ Chị Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Đội S, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị T ủy quyền cho anh Phạm Mạnh C, theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018.

+ Anh Phạm Mạnh C, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Anh C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Ánh T, sinh năm 2003. Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Người đại diện anh Phạm Mạnh C.

+ Anh Phạm Đức T, sinh năm 2008. Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Người đại diện anh Phạm Mạnh C.

- Bị đơn: Ông Đào Huy N, sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông N vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2017 và các lời khai nguyên đơn ông Phạm Đức C trình bày:*

Ngày 28/4/2017 ông C và ông Đào Huy N có thỏa thuận góp vốn mua chung heo giống từ tỉnh Hà Nam về địa phương để nuôi, bán kiếm lời. Theo thỏa thuận ông C đã góp vốn với ông N 130.000.000đồng. Số tiền trên ông N đã nhận đủ nhưng không thực hiện hợp đồng.

Đối với số tiền 35.155.000đồng ông N đã trả thì ông C cần đối chiếu với sổ sách. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả cho ông C khoản tiền góp vốn và tiền lãi phát sinh trong thời hạn 6 tháng.

** Qua biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đào Huy N trình bày:*

Ông N công nhận đã cùng ông C thỏa thuận góp vốn mua chung heo giống như ông C trình bày và đã nhận 130.000.000đồng tiền góp vốn của ông C. Do giá heo xuống thấp nên việc mua bán heo bị lỗ, ông N không thể trả đủ cho ông C số tiền đã góp vốn được. Cho đến nay, ông N chỉ trả được cho ông C 35.155.000đồng bao gồm tiền mặt, tiền thịt heo bán cho ông C nhiều lần. Hiện tại, ông N chỉ còn nợ lại ông C 94.845.000đồng. Do khi góp vốn, cả hai không thỏa thuận về lãi suất nên ông N không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của ông C.

** Qua biên bản lấy lời khai, đại diện những người thừa kế của nguyên đơn anh Phạm Mạnh C trình bày:*

Trước khi ông C chết, anh C có nghe kể lại ông C và ông N có góp vốn mua chung heo từ ngoài bắc về để nuôi, bán kiếm lời, nội dung cụ thể như thế nào anh C không biết. Sau khi ông C chết, anh C mới biết được việc ông C khởi kiện ông N về số tiền đã góp vốn làm ăn chung. Tại thời điểm ông C Chết ông N đã gặp và trả cho anh C 1,5 chỉ vàng (tương đương 5.152.000đồng) và 6.000.000đồng tiền mặt. Anh C yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông C, buộc ông N phải trả khoản tiền đã nhận từ ông C sau khi trừ các khoản tiền ông N đã trả cho ông C và anh C.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Nguyên đơn ông C đã chết, những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất của ông C là chị Phạm Thị Ánh T và anh Phạm Đức T đều chưa đủ 18 tuổi nên người đại diện hợp pháp cho chị T, anh T là chị Phạm Thị Huyền T và anh Phạm Mạnh C, chị Phạm Thị Huyền T đã ủy quyền cho anh C tham gia tố tụng, anh C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án giải quyết vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, những người thừa kế của nguyên đơn, buộc bị đơn ông N phải trả số tiền 94.845.000đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đào Huy N có nơi cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ông Phạm Đức C và vợ là bà Tống Thị L đều đã chết, những người thừa kế theo hàng thứ nhất của ông C gồm: Chị Phạm Thị Huyền T, anh Phạm Mạnh C, chị Phạm Thị Ánh T và anh Phạm Đức T. Chị Phạm Thị Ánh T và anh T là người chưa thành niên, do anh C và chị Phạm Thị Huyền T làm đại diện. Chị Phạm Thị Huyền T ủy quyền cho anh C tham gia tố tụng, anh C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận vào ngày 28/4/2017 ông C và ông N có thỏa thuận góp vốn, mục đích là để mua chung heo giống từ tỉnh Hà Nam về địa phương để nuôi và bán kiếm lời. Theo thỏa thuận ông C đã chuyển cho ông N số tiền 130.000.000đồng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Các bên giao kết hợp đồng góp vốn trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Số tiền 35.155.000đồng ông N đã trả cho ông C do không thực hiện hợp đồng, các bên cũng đã được công khai chứng cứ và xác nhận. Sau khi ông C chết, ông N tiếp tục trả cho anh C 11.152.000đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện bị đơn hoàn trả số tiền góp vốn còn lại là có cơ sở.

[2.2] Về lãi suất:

Tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ quan hệ góp vốn, mục đích mua bán hàng hóa là để tìm kiếm lợi nhuận phát sinh từ vốn góp. Việc không thực

hiện được hợp đồng là do biến động về giá cả của thị trường đối với mặt hàng mà các đương sự đã thống nhất và thỏa thuận. Bởi vậy, việc không thực hiện được hợp đồng là do rủi ro chung, không do lỗi của một trong các bên gây ra. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N phải trả cho những người thừa kế hàng thứ nhất của ông C số tiền góp vốn 130.000.000đồng, được trừ số tiền ông N đã trả cho ông C 35.155.000đồng và trả cho anh C 11.152.000đồng. Như vậy ông N còn tiếp tục phải trả cho những người thừa kế của ông C, do anh C làm đại diện số tiền góp vốn còn lại là 83.693.000đồng (tám mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng).

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông N phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền mà ông N phải trả cho nguyên đơn (83.693.000đồng x 5%)

Những người thừa kế của ông C thuộc diện nghèo theo quy định của chính phủ, xét miễn toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 47; Điều 52; Điều 136; Điều 138; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đào Huy N phải trả cho những người thừa kế của ông Phạm Đức C, do anh Phạm Mạnh C làm đại diện số tiền góp vốn 83.693.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bị đơn ông N phải chịu 4.184.650đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Những người thừa kế của nguyên đơn không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Võ Đức Hợi